TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tám

2. Bà Nguyễn Thị Thưởng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2022/TLST -HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê H, sinh năm 1982

Bị đơn: Chị Đỗ Nguyễn Thành N, sinh năm 1982

Cùng HKTT: Số 20/38 T, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh H; vắng mặt chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Lê Huy trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Nguyễn Thành N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/11/2008 tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm và cách sống không phù hợp, trái ngược nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung khiến cuộc sống căng thẳng. Chị N nợ nần nên bỏ đi nơi khác ở. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Đỗ Nguyễn Thành N.

- Về con chung: Anh và chị Đỗ Nguyễn Thành N có 02 con chung là cháu Lê Hữu Việt A, sinh ngày 24/10/2009 và cháu Lê Hữu Khôi Ng, sinh ngày 24/12/2013. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai anh có nguyện vọng khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng

cả hai cháu, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, chị N có nguyện vọng được nuôi một con nên anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Việt A, còn giao cháu Lê Hữu Khôi Ngcho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là chị Đỗ Nguyễn Thành N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày năm 2008 tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên có nguyện vọng đoàn tụ để con cái có đầy đủ cả bố lẫn mẹ.

- Về con chung: Chị và anh Lê H có 02 con chung là cháu Lê Hữu Việt A, sinh ngày 24/10/2009 và cháu Lê Hữu Khôi Ngu, sinh ngày 24/12/2013. Nguyện vọng của chị khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Khôi Ng, giao cháu Lê Hữu Việt A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải anh H và chị N đã thống nhất với nhau:

- Về con chung: Anh Lê H và chị Đỗ Nguyễn Thành N thống nhất có 02 con chung là Lê Hữu Việt A, sinh ngày 24/10/2009 và Lê Hữu Khôi Ng. Ly hôn anh chị thống nhất giao cháu Lê Hữu Việt A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hữu Khôi Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Anh Lê H và chị Đỗ Nguyễn Thành N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Quá trình chung sống tại địa phương, anh H và chị Ncó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Anh, chị đã sống ly thân. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị N, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn chị N.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều

81,Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê H đối với chị Đỗ Nguyễn Thành N.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị N: Giao cháu Lê Hữu Việt A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hữu Khôi Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa anh Lê H và chị Đỗ Nguyễn Thành N là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là chị Đỗ Nguyễn Thành N vắng mặt tại phiên tòa, chị N đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Anh H đề nghị Toà án tiến hành xét xử vụ án, nên Toà án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt chị N là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Hvà chị Đỗ Nguyễn Thành N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm và cách sống không phù hợp, trái ngược nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung khiến cuộc sống căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh H đã không còn tình cảm với chị N. Nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ của chị N là chính đáng nhưng chị N không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc cuộc sống của chồng và các con.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên anh H nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn, tạo điều kiện cho chị N để vợ chồng gần gũi nhau, hàn gắn lại tình cảm nhưng anh H vẫn cương quyết xin ly hôn chị N. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị N không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Lê H về việc xin ly hôn chị Đỗ Nguyễn Thành N.

[3] Về con chung: Tại Biên bản hòa giải, anh H và chị N đã thống nhất có 02 con chung là cháu Lê Hữu Việt A, sinh ngày 24/10/2009 và cháu Lê Hữu Khôi Ng, sinh ngày 24/12/2013. Ly hôn anh chị thống nhất giao cháu Lê Hữu Việt A cho anh

H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hữu Khôi Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Do đó ghi nhận sự thỏa thuận này của anh, chị.

[4] Về tài sản: Anh H và chị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí*:* Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử: - Về hôn nhân*:* Anh Lê H được ly hôn chị Đỗ Nguyễn Thành N.

- Về con chung: Công nhận anh Lê H và chị Đỗ Nguyễn Thành N có 02 con chung là cháu Lê Hữu Việt A, sinh ngày 24/10/2009 và cháu Lê Hữu Khôi Ng, sinh ngày 24/12/2013. Giao cháu Lê Hữu Việt An cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Lê Hữu Khôi Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản*:* Anh H và chị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002648 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Trương Thị Anh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ .